

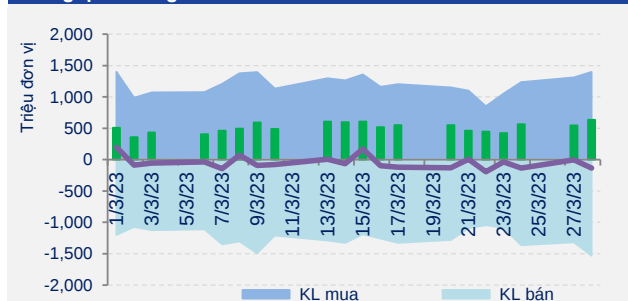
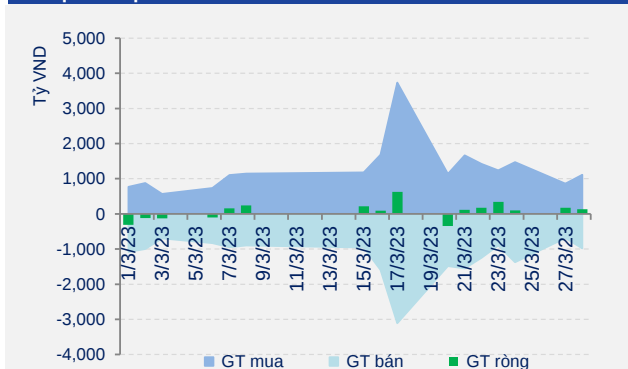
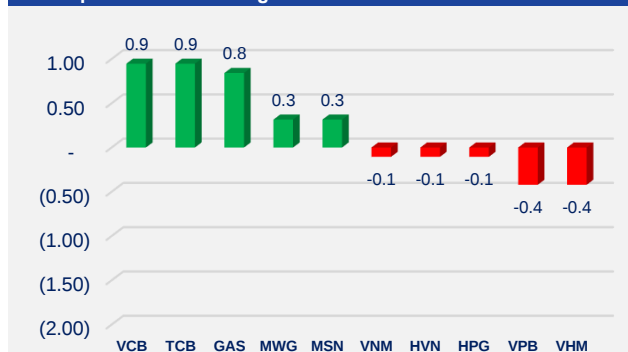
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

28/3/2023

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,054.29	205.76
% Thay đổi	↑ 0.19%	↓ -0.44%
KLGD (CP)	634,418,417	78,222,636
GTGD (tỷ đồng)	11,200.18	1,116.52
Tổng cung (CP)	1,531,831,283	141,209,000
Tổng cầu (CP)	1,397,926,049	104,415,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	28,815,545	161,739
KL mua (CP)	38,174,245	525,219
GT mua (tỷ đồng)	1,110.61	12.06
GT bán (tỷ đồng)	979.66	2.99
GT ròng (tỷ đồng)	130.94	9.08

Tương quan cung cầu

Giá trị Giao dịch NĐTNN

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX tiếp tục tăng điểm trong phiên 28/03/2023 với thanh khoản gia tăng. Kết phiên giao dịch chỉ số tăng 2,04 điểm (+0,19%) lên mức 1.054,29 điểm, độ rộng thị trường tích cực với 201 mã tăng điểm (05 mã tăng trần), nhiều mã, nhóm mã có thanh khoản cải thiện tốt, 185 mã giảm điểm (01 mã giảm sàn) và 67 mã tham chiếu. HNX-INDEX ngược chiều giảm 0,91 điểm (-0,44%) xuống mức 205,76 điểm với 79 mã tăng điểm (09 mã tăng trần), 75 mã giảm điểm (05 mã giảm sàn) và 62 mã giữ giá tham chiếu.

Thông tin Ngân hàng Nhà nước lấy ý kiến đối với Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung thông tư số 16/2021/TT-NHNN ngày 10/11/2021 với một số điểm theo hướng nới lỏng, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng trong hoạt động mua, bán trái phiếu doanh nghiệp đã hỗ trợ tâm lý tích cực cho nhà đầu tư qua đó giúp thị trường giao dịch sôi động hơn. Thanh khoản trên 2 sàn niêm yết vượt mức trung bình với giá trị giao dịch đạt 12.313,65 tỷ đồng, tiếp tục cải thiện trong 03 phiên gần đây với nhiều mã có thanh khoản đột biến khi dòng tiền ngắn hạn có tín hiệu luân chuyển trong thị trường. Nhà đầu tư nước ngoài duy trì mua ròng trên HOSE với 45,79 tỷ đồng, mua ròng ở HNX với giá trị 9,08 tỷ đồng.

Là đối tượng được đánh giá sẽ hưởng lợi từ Dự thảo nói trên, nhóm ngân hàng có nhiều mã giao dịch tích cực khối lượng gia tăng như TCB (+3,96%), SHB (+1,88%), MBB (+0,28%)..., ngược lại nhiều mã chịu áp lực chốt lãi ngắn sau khi tăng điểm tốt như VPB (-1,18%), LPB (-0,97%), STB (-0,39%)...

Thanh khoản thị trường cải thiện do dòng tiền có tính chất luân chuyển, chốt lãi ở các mã đã tăng giá tốt ngắn hạn như nhóm cổ phiếu chứng khoán, dịch vụ tài chính cụ thể như SHS (-2,20%), HCM (-1,81%), VND (-1,29%), SSI (-0,95%), VCI (-0,94%)... và luân chuyển sang các mã, nhóm mã đã tích lũy hay chịu áp lực điều chỉnh trong thời gian vừa qua như nhóm bán lẻ với MWG (+2,62%), MSN (+1,17%), PET (0,98%)... logistic như VSC (+1,22%), HAH (+0,91%), thủy sản, hóa chất như ANV (+2,43%), CMX (+1,34%), VHC (+0,55%), DGC (+1,4%)...

Các cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng, đầu tư công phân hóa trái chiều với thanh khoản cải thiện tốt như PLC (+4,22%), HHV (+1,50%), KSB (+1,30%), FCN (-2,12%), BCC (-1,64%), VCG (-1,19%). Các nhóm ngành khác đa phần phân hóa trong bối cảnh chờ các thông tin về tình hình kết quả kinh doanh quý I/2023 cũng như thị trường chung dần đến thời điểm chốt NAV Quý I/2023.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2304 kết phiên tăng 4,2 điểm (0,40%), thu hẹp mức chênh lệch xuống -7,32 điểm so với VN30. Các kỳ hạn dài hơn VN30F2305, VN30F2306, VN30F2309 mức chênh lệch từ -11,32 điểm và -14,82 điểm cho thấy các trader vẫn chưa lạc quan về khả năng đảo chiều tích cực của VN30 trong tương lai.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

28/3/2023

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường tiếp tục duy trì được xu hướng tăng khi VnIndex đóng cửa tăng 2,04 điểm, lực cầu tiếp tục tăng mạnh và là phiên có khối lượng giao dịch cao nhất trong tháng. VnIndex tăng điểm nhẹ trong phiên hôm nay không làm thay đổi nhiều về trạng thái kỹ thuật, chỉ số này vẫn vận động trên đường MA20 và tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong kênh uptrend ngắn hạn. Điểm tích cực hơn là khối lượng giao dịch toàn thị trường đang được cải thiện tốt sẽ củng cố hơn xu hướng tăng ngắn hạn

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường đã hồi phục 6 phiên liên tiếp từ điểm số tăng từng phiên không lớn nhưng đủ giúp VnIndex quay trở lại kênh tăng giá ngắn hạn và nằm trên đường MA20. Hôm nay VnIndex chốt phiên chỉ tăng 2,04 điểm (+ 0,19%) và đóng cửa ở 1.054,29 điểm, dù điểm số tăng nhẹ nhưng khối lượng giao dịch tiếp tục được cải thiện tốt cho thấy động lượng tăng điểm của thị trường đang mạnh dần lên. Với góc nhìn ngắn hạn, VnIndex đã trở lại kênh hồi phục ngắn hạn với động lực tăng tốt, xác suất VnIndex duy trì xu hướng tăng ngắn hạn để hướng tới khu vực 1.150 điểm. Tuy nhiên chỉ số nhiều khả năng sẽ có những diễn biến giằng co khi tiến tới gần khu vực 1.060 điểm (vùng đỉnh gần nhất ngày 15/3/2023).

Xét dưới góc nhìn trung - dài hạn, biến động của VnIndex trong hơn 1 tháng qua gần như đi ngang với các phiên tăng giảm đan xen, khối lượng giao dịch về tổng thể trung hạn vẫn đang ở mức thấp. Các thông tin vĩ mô hiện tại tốt xấu đan xen (lãi suất trong nước giảm nhưng thị trường trái phiếu vẫn chưa hết rủi ro, lãi suất trên thế giới vẫn ở mức cao, hệ thống ngân hàng ở Mỹ, Châu Âu thường xuyên có nhiều biến động phức tạp). Kết hợp với phân tích thuần kỹ thuật, có thể cho rằng thị trường sẽ theo xu hướng tích lũy với biến động hẹp ít rủi ro nhưng những nhịp hồi phục sẽ không quá mạnh và khó kỳ vọng VN-Index vượt qua mức 1.150 điểm.

Về ngắn hạn thị trường đang cho thấy việc trở lại kênh tăng giá ngắn hạn với xung lực khá tốt, tuy nhiên nhà đầu tư nên hạn chế mua đuổi cổ phiếu ở các vùng giá cao mà nên giải ngân theo hướng tích lũy và duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở dưới mức trung bình. Với các nhà đầu tư trung - dài hạn chúng tôi cho rằng giai đoạn hiện tại thị trường vẫn vận động ở dạng tích lũy trung hạn nên vẫn có nhiều cơ hội để nhà đầu tư tiếp tục giải ngân với mục tiêu nắm giữ (chờ giai đoạn bùng nổ tiếp theo), mục tiêu giải ngân nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là giải ngân dần trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp !



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

28/3/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
LPB	15.30	13-14	17.5-18.5	12	5.4		57.0%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	24.40	23-24.5	30-31	19	3.0	61.3%	134.5%	Theo dõi chờ giải ngân
ANV	31.65	27-30	34-35	23	6.0	40.1%	423.3%	Theo dõi chờ giải ngân
DGC	51.70	46-49	66-67	43	3.5	51.2%	133.1%	Theo dõi chờ giải ngân
STB	25.40	23-24.5	29-30	22	9.5		47.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	25.40	24-25	29-30	22	15.7	15.6%	28.5%	Theo dõi chờ giải ngân
DBC	13.80	13-14.2	21-22	11.5	22.3	13.5%	-81.9%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	14.80	13.5-15	19-20	12	15.5	-3.3%	-8.2%	Theo dõi chờ giải ngân
DPG	27.65	26-27.5	35-36	23	4.4	30.4%	15.0%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	33.20	33-34.5	44-46	30	2.9	63.9%	84.5%	Theo dõi chờ giải ngân
BVS	17.50	17-18	24-26	15	8.8	-24.9%	-49.3%	Theo dõi chờ giải ngân
VCI	31.70	28-30	36-37	27	15.9	-14.9%	-42.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thẻ	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/2/2023	BCM	82.30	84.00	110	81	-2.02%	Nắm giữ
16/2/2023	POW	13.30	12.10	16-16.5	12.5	9.92%	Nắm giữ
3/8/2023	SZC	28.55	26.90	33-35	26	6.13%	Nắm giữ
3/9/2023	CSV	27.60	27.40	34-36	26	0.73%	Nắm giữ
3/9/2023	IDC	39.30	39.90	47-49	36.5	-1.50%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ**

FDI đầu tư vào Việt Nam liên tục giảm kể từ đầu năm

Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch Đầu tư) công bố, tính đến ngày 20/3/2023, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 5,45 tỷ USD, chỉ bằng 61,2% so với cùng kỳ.

Bắc Giang vượt mốc 1 tỷ USD thu hút FDI trong 3 tháng đầu năm 2023

Với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 1,1 tỷ USD, chiếm gần 20,3% tổng vốn đầu tư đăng ký và tăng gấp 5,2 lần so với cùng kỳ năm 2022, Bắc Giang là địa phương đầu tiên ghi nhận tổng vốn FDI vượt mốc 1 tỷ USD trong 3 tháng đầu năm 2023

Khu công nghiệp Bắc Giang giảm hơn 13.000 lao động so với trước Tết

Trong bối cảnh đơn hàng sản xuất bị sụt giảm đầu năm, một số doanh nghiệp tại các khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã phải giảm giờ làm, cắt giảm lượng lao động để bình ổn sản xuất.

Tăng thời gian xây dựng nhà ga sân bay Long Thành lên 39 tháng

ACV đã chính thức điều chỉnh thời gian thực hiện gói thầu xây dựng và lắp đặt thiết bị nhà ga hành khách sân bay Long Thành giai đoạn 1 (gói thầu 5.10) từ 33 tháng lên 39 tháng.



TIN CHỨNG KHOÁN

Traphaco đặt mục tiêu lãi sau thuế 2023 tăng 11%

Theo đó, năm 2023, TRA đặt mục tiêu đạt 2,600 tỷ đồng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ và 326 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế hợp nhất, tăng lần lượt 8.4% và 11.2% so với năm trước.

Thế giới Di động hạ tỷ lệ cổ tức 2022

Cụ thể, MWG bổ sung tờ trình chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 5% bằng tiền mặt, 1 cp được nhận 500 đồng, bằng một nửa so với năm 2021.

VietinBank Securities lên kế hoạch lãi hơn 230 tỷ đồng năm 2023

Trong năm 2023, Vietinbank Securities đặt mục tiêu lợi nhuận năm 2023 ở mức 230.7 tỷ đồng. Tỷ lệ cổ tức dự kiến là 10%.

IDP đặt kế hoạch doanh thu 2023 kỷ lục, chào bán hơn 2.4 triệu cp riêng lẻ

Cụ thể, IDP đặt mục tiêu doanh thu thuần kỷ lục đạt 7,141 tỷ đồng, tăng 17% so với thực hiện năm 2022. Tuy nhiên, lãi sau thuế dự kiến giảm 4%, xuống còn 776 tỷ đồng, mức thấp nhất trong vòng 2 năm qua

VIB chi hơn 1.000 tỷ đồng chia cổ tức còn lại năm 2022

Ngày 7/4 tới đây, VIB sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2022 còn lại với tỷ lệ 5% bằng tiền, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 500 đồng.

VCG đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế 860 tỷ đồng năm 2023

Cụ thể, Vinaconex đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất 16.340 tỷ đồng, tăng 70% so với thực hiện năm 2022, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 860 tỷ đồng, bằng 92% so với thực hiện năm 2022.

QCG muốn chuyển nhượng toàn bộ dự án Thủy điện IaGra 1

QCG đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ dự án Thủy điện IaGra 1 tại tỉnh Gia Lai. Thời gian chuyển nhượng dự kiến trong quý 2/2023. Giá chuyển nhượng tối thiểu bằng giá trị sổ sách tại thời điểm chuyển nhượng.

DRL: Lãi ròng quý 1/2023 vượt kế hoạch

Cụ thể, doanh thu quý 1/2023 đạt 25,8 tỷ đồng, gần bằng kế hoạch đề ra do tất cả mảng doanh thu đều vượt kế hoạch. Với kết quả này, lãi ròng DRL đạt 15,3 tỷ đồng, vượt gần 6% kế hoạch.

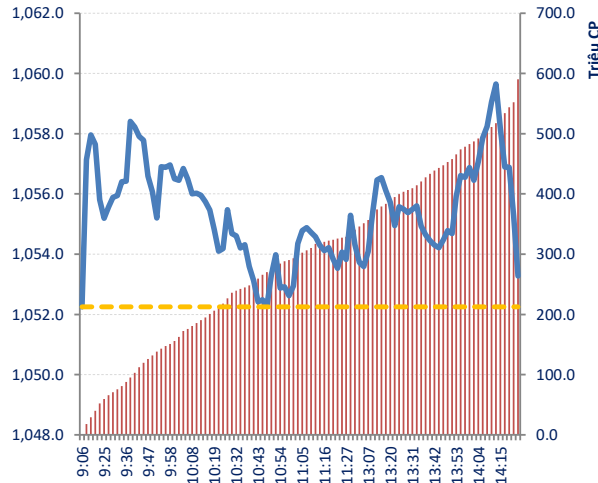
GCFood: Tăng vốn điều lệ thêm 100 tỷ đồng

Theo đó, GCF đặt mục tiêu doanh thu hơn 523 tỷ đồng, tăng 22% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế đi ngang ở mức gần 27 tỷ đồng, đồng thời huy động vốn trong 3 năm để phát triển sản phẩm từ nhà đam.

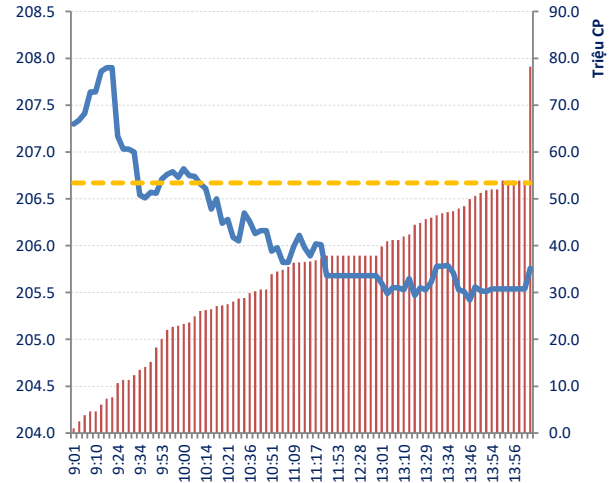


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

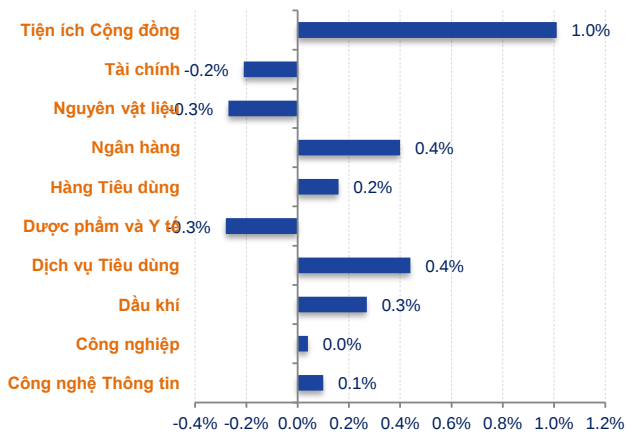
KLGD và VN-Index trong phiên



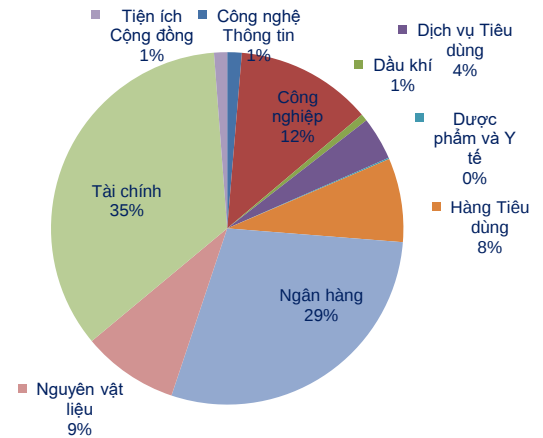
KLGD và HNX-Index trong phiên



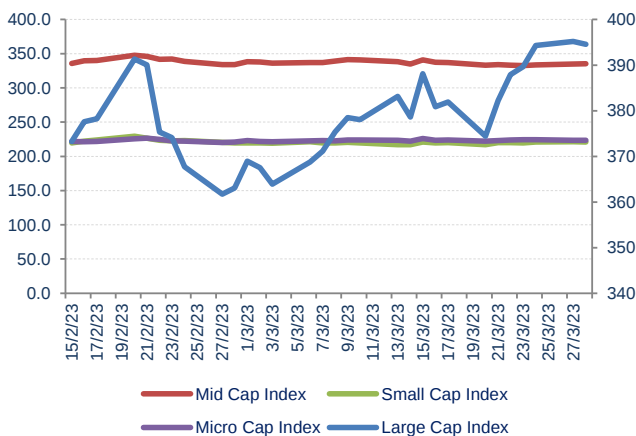
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



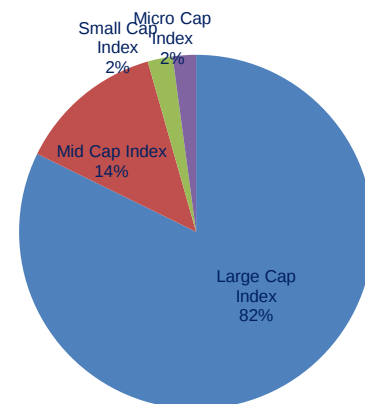
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	3,174,100	VPB	2,055,600
2	HPG	1,974,600	MSN	864,500
3	VHM	1,360,400	DGW	860,700
4	POW	1,178,800	SHB	673,200
5	HSG	1,058,000	VNM	588,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	143,700	NVB	50,900
2	TNG	137,800	PGS	10,498
3	BVS	74,409	ICG	8,700
4	SHS	60,000	INN	8,200
5	NRC	20,000	PVS	7,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	10.65	10.85	↑ 1.88%	37,441,600
VPB	21.25	21.00	↓ -1.18%	37,168,400
NVL	12.70	12.60	↓ -0.79%	30,738,800
DXG	12.15	12.35	↑ 1.65%	20,884,900
HQC	3.65	3.73	↑ 2.19%	19,802,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	9.10	8.90	↓ -2.20%	17,162,678
HUT	15.80	15.50	↓ -1.90%	8,908,521
CEO	21.80	21.40	↓ -1.83%	7,471,593
PVS	25.20	25.40	↑ 0.79%	3,854,436
IDJ	8.30	8.50	↑ 2.41%	3,191,160

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	3.61	3.86	0.25	↑ 6.93%
HHP	8.13	8.69	0.56	↑ 6.89%
LEC	5.08	5.43	0.35	↑ 6.89%
VAF	9.36	10.00	0.64	↑ 6.84%
IBC	2.71	2.89	0.18	↑ 6.64%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MCO	3.00	3.30	0.30	↑ 10.00%
HAT	23.10	25.40	2.30	↑ 9.96%
SGC	65.50	72.00	6.50	↑ 9.92%
CKV	10.20	11.20	1.00	↑ 9.80%
MHL	4.10	4.50	0.40	↑ 9.76%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ST8	20.30	18.90	-1.40	↓ -6.90%
HU1	7.87	7.33	-0.54	↓ -6.86%
MCP	21.80	20.35	-1.45	↓ -6.65%
PMG	10.75	10.10	-0.65	↓ -6.05%
THI	23.25	22.00	-1.25	↓ -5.38%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NTH	59.20	53.30	-5.90	↓ -9.97%
ALT	15.70	14.20	-1.50	↓ -9.55%
LM7	2.30	2.10	-0.20	↓ -8.70%
EBS	9.80	9.00	-0.80	↓ -8.16%
VE3	9.40	8.70	-0.70	↓ -7.45%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	37,441,600	19.7%	2,520	4.2	0.8
VPB	37,168,400	19.2%	2,715	7.8	1.4
NVL	30,738,800	5.3%	1,164	10.9	0.6
DXG	20,884,900	1.1%	245	49.5	0.5
HQC	19,802,400	0.4%	38	96.3	0.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	17,162,678	2.1%	224	40.6	0.8
HUT	8,908,521	3.8%	415	38.1	1.4
CEO	7,471,593	7.7%	1,081	20.2	1.5
PVS	3,854,436	6.9%	1,849	13.6	0.9
IDJ	3,191,160	9.8%	866	9.6	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TGG	↑ 6.9%	-5.7%	(823)	-	0.3
HHP	↑ 6.9%	8.8%	1,133	7.2	0.6
LEC	↑ 6.9%	-2.4%	(381)	-	0.3
VAF	↑ 6.8%	8.1%	1,005	9.3	0.7
IBC	↑ 6.6%	-5.6%	(1,044)	-	0.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MCO	↑ 10.0%	0.3%	37	80.7	0.2
HAT	↑ 10.0%	31.2%	5,893	3.9	1.1
SGC	↑ 9.9%	32.8%	8,311	7.9	2.2
CKV	↑ 9.8%	2.6%	527	19.4	0.5
MHL	↑ 9.8%	43.2%	4,316	0.9	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	3,174,100	1.1%	245	49.5	0.5
HPG	1,974,600	9.1%	1,459	14.3	1.3
VHM	1,360,400	20.6%	6,621	7.3	1.4
POW	1,178,800	6.4%	880	15.1	0.9
HSG	1,058,000	-10.0%	(1,793)	-	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	143,700	40.1%	7,001	5.6	2.0
TNG	137,800	18.0%	2,873	6.1	1.0
BVS	74,409	6.6%	1,988	8.8	0.6
SHS	60,000	2.1%	224	40.6	0.8
NRC	20,000	0.5%	72	52.9	0.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	430,659	24.2%	6,316	14.4	3.1
BID	232,692	19.1%	3,597	12.8	2.2
VHM	210,751	20.6%	6,621	7.3	1.4
VIC	203,283	5.7%	2,159	24.7	1.5
GAS	195,223	26.1%	7,732	13.2	3.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	13,755	4.2%	697	56.4	2.3
KSF	13,170	5.7%	1,243	35.3	1.9
IDC	13,002	40.1%	7,001	5.6	2.0
PVS	12,045	6.9%	1,849	13.6	0.9
BAB	11,387	9.1%	1,057	13.2	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

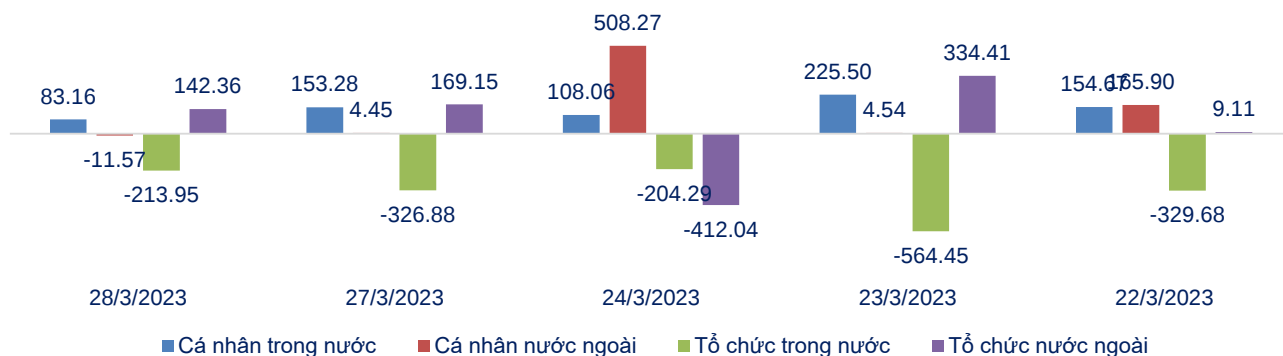
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.93	0.0%	3	1,849.6	0.4
DXG	2.91	1.1%	245	49.5	0.5
DIG	2.90	1.9%	240	55.2	1.0
NKG	2.73	-1.2%	(253)	-	0.8
NHA	2.71	0.5%	45	243.2	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	4.28	3.3%	615	69.9	3.3
APS	3.87	-37.7%	(5,393)	-	0.9
CEO	3.61	7.7%	1,081	20.2	1.5
API	3.58	13.2%	1,411	6.0	0.7
IDJ	3.42	9.8%	866	9.6	0.7

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	137.10	8.8%	1,042	7.0	0.6
VIB	59.96	29.7%	4,026	5.2	1.4
MSN	54.40	9.0%	2,511	30.5	3.0
MWG	46.53	18.5%	2,809	13.6	2.3
DGW	36.31	32.5%	4,186	7.8	2.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-58.84	9.1%	1,459	14.3	1.3
VCB	-43.37	24.2%	6,316	14.4	3.1
DXG	-37.61	1.1%	245	49.5	0.5
VHM	-33.50	20.6%	6,621	7.3	1.4
HSG	-17.84	-10.0%	(1,793)	-	1.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	2.30	9.0%	2,511	30.5	3.0
VCB	1.52	24.2%	6,316	14.4	3.1
VIX	1.21	5.4%	604	12.6	0.6
ANV	1.11	25.8%	5,300	5.8	1.4
NVL	1.09	5.3%	1,164	10.9	0.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-6.60	13.8%	2,674	9.5	1.2
VCI	-2.73	13.3%	1,999	16.0	2.1
ORS	-1.36	6.7%	749	12.9	0.8
SSI	-1.20	9.3%	1,367	15.4	1.4
HPG	-0.94	9.1%	1,459	14.3	1.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	40.04	19.2%	2,715	7.8	1.4
VNM	27.24	24.8%	4,077	18.3	4.8
VRE	20.78	8.7%	1,222	24.0	2.0
HPG	17.76	9.1%	1,459	14.3	1.3
HAH	13.18	34.3%	11,365	2.9	0.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	-137.10	8.8%	1,042	7.0	0.6
VIB	-59.96	29.7%	4,026	5.2	1.4
MWG	-46.52	18.5%	2,809	13.6	2.3
VHM	-32.05	20.6%	6,621	7.3	1.4
ACB	-28.67	26.5%	4,053	6.0	1.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	65.63	20.6%	6,621	7.3	1.4
HPG	42.02	9.1%	1,459	14.3	1.3
DXG	39.07	1.1%	245	49.5	0.5
VCB	38.79	24.2%	6,316	14.4	3.1
FUEVFNVD	22.45	N/A	N/A	N/A	N/A

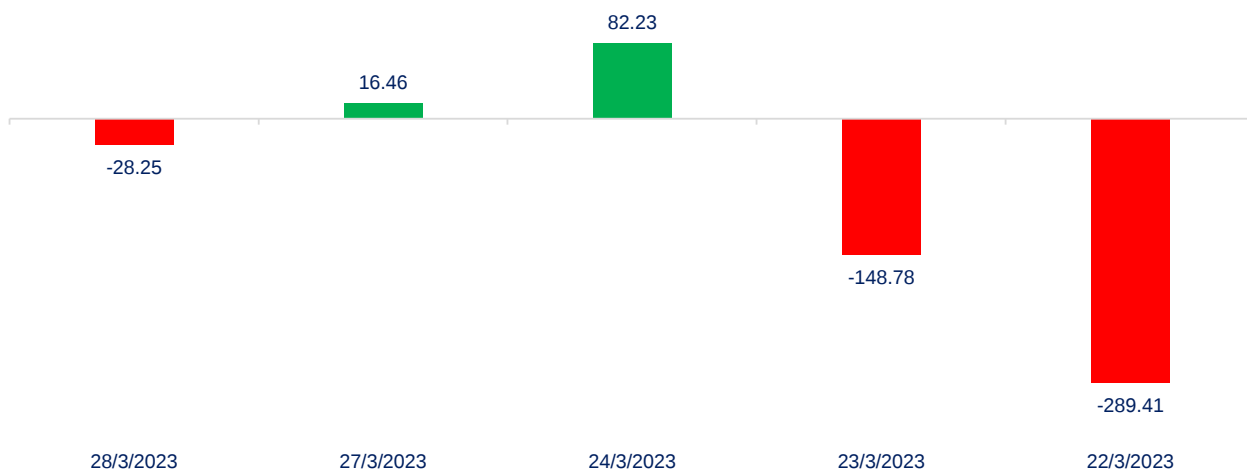
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-69.08	9.0%	2,511	30.5	3.0
VNM	-43.01	24.8%	4,077	18.3	4.8
VPB	-42.97	19.2%	2,715	7.8	1.4
DGW	-27.69	32.5%	4,186	7.8	2.2
DGC	-13.01	64.8%	14,894	3.4	1.8



THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn